

Bản án số: 56/2022/DS-ST
Ngày: 29/11/2022
V/v tranh chấp Hui và
Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Quang Đức

2. Ông Võ Văn Tường

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thanh Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Trong các ngày 24, 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hui và Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 169/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: bà **Bằng Như H**, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: 1. ông **Bằng Văn T1**, sinh năm 1967 – Vắng mặt

2. bà **Lê Thị Bé T2**, sinh năm 1971 – Vắng mặt

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Bằng Như H trình bày: ngày 20/5/2020 âl, bà cho vợ chồng ông Bằng Văn T1 và bà Lê Thị Bé T2 mượn số tiền là 300.000.000 đồng (mượn 02 lần: sáng mượn 100.000.000 đồng, chiều mượn 200.000.000 đồng), hai bên thỏa thuận lãi theo quy định pháp luật, thời hạn vay là 12 tháng, có làm biên nhận cho vay tiền. Ông T1, bà T2 đóng lãi được 07 tháng, mỗi tháng 12.000.000 đồng (lãi suất 4%/tháng) x 7 tháng = 84.000.000 đồng. Sau đó, bị đơn đã ngưng đóng lãi, bà đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện. Ngoài ra, vợ chồng ông T1 và bà T2 còn tham gia các dây hui do bà làm chủ hui,

đều đã hết hạn (có giấy giao hạn) nhưng sau đó ngưng đóng hạn chết nên còn thiếu lại số tiền từng dây hạn như sau:

- Hạn 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/9/2020 âm, mở 02 dây hạn gồm dây A và dây B, mỗi dây gồm 17 phần, vợ chồng ông T1 và bà T2 tham gia mỗi dây 01 phần (dây A số thứ tự là 10, dây B số thứ tự là 11, tên trong giấy hạn là “Thêm 9 T1”), hạn hạn tháng 01/2022 âm. Dây A bị đơn hết hạn số tiền là 61.000.000 đồng đồng, đóng hạn được 13 lần, còn thiếu lại 04 lần hạn chết 5.000.000 đồng x 04 lần = 20.000.000 đồng. Dây B bị đơn hết hạn số tiền là 71.920.000 đồng đồng, đóng hạn được 13 lần, còn thiếu lại 04 lần hạn chết 5.000.000 đồng x 04 lần = 20.000.000 đồng.

- Hạn 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 20/4/2021 âm, mở 02 dây hạn gồm dây A và dây B, mỗi dây gồm 26 phần, vợ chồng ông T1 và bà T2 tham gia mỗi dây 01 phần (dây A, dây B đều có số thứ tự là 10; tên trong giấy hạn là “Thêm 9 T1”). Bị đơn hết hạn dây A, dây B lần thứ nhất với tổng số tiền là 195.000.000 đồng, tính đến hạn hạn còn 16 lần hạn chết phải đóng là 5.000.000 đồng x 02 phần x 16 lần = 160.000.000 đồng.

Đối với phần hạn hạn tháng 5.000.000 đồng mở ngày 20/4/2021 âm bà cho ông T1, bà T2 chơi với mục đích là cản trở qua số tiền 200.000.000 đồng mà ông T1, bà T2 đã mượn, để bị đơn đóng hạn trả từ từ, nhưng ông T1, bà T2 không đóng hạn nên bà không đòi phần hạn này, mà yêu cầu bị đơn trả số tiền vay. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông T1, bà T2 trả tiền nợ 02 dây hạn năm 2020 là 40.000.000 đồng + nợ vay 300.000.000 đồng = 340.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 10/10/2021 cho đến ngày xét xử.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, đối thoại cùng ngày 11/4/2022, bị đơn – ông Bằng Văn T1, bà Lê Thị Bé T2 thống nhất có mượn của bà H số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất là 4%/tháng bằng số tiền 12.000.000 đồng, đã đóng được cho bà H 07 tháng tiền lãi. Đến ngày 20/4/2021 âm thì cản trở qua 02 phần hạn hạn 5.000.000 đồng/tháng. Đồng thời, ông T1, bà T2 thừa nhận có tham gia nhiều dây hạn do bà H làm chủ hạn, trong đó hạn mở ngày 10/9/2020 âm bị đơn còn nợ bà H 10.000.000 đồng/tháng, còn 04 lần chưa đóng bằng số tiền 40.000.000 đồng. Do dịch bệnh nên bị đơn đã ngưng đóng lãi và tiền hạn cho bà H từ tháng 9/2021. Ông T1 và bà T2 thống nhất còn nợ bà H số tiền là 351.000.000 đồng và đồng ý trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/10/2022 bà Bằng Như H yêu cầu vợ chồng ông Bằng Văn T1 và bà Lê Thị Bé T2 trả tiền hụi chưa đóng và nợ vay. Đây là tranh chấp về hụi và hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Bằng Văn T1 và Lê Thị Bé T2 đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông bà không đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đưa vụ án ra xét xử, triệu tập bị đơn tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà H yêu cầu ông T1, bà T2 trả số tiền vay 300.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/5/2020 âl. Tại bản tự khai ngày 11/4/2022 của ông T1, bà T2, biên bản hòa giải ngày 11/4/2022 của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện P thì bị đơn thừa nhận có vay 300.000.000 đồng nhưng tiền vốn còn thiếu là 101.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện ngày 16/3/2022, bà H yêu cầu bị đơn trả số tiền vay lần lượt ngày 25/4/2021 là 50.000.000 đồng (lãi suất 2%), ngày 25/4/2021 là 31.080.000 đồng (lãi suất 4%), ngày 20/9/2021 là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 101.080.000 đồng. Theo nguyên đơn xác định số tiền vay ngày 20/5/2020 là 300.000.000 đồng, sau đó bị đơn tham gia 02 phần hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 20/4/2021 âl, có 26 phần, hốt hụi với số tiền 195.000.000 đồng cản trừ vào số tiền vay 300.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng. Dây hụi này bị đơn đã đóng được 06 lần, còn nợ lại 20 lần hụi chết tương đương số tiền 200.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu không thực hiện cản trừ phần nợ này mà yêu cầu bị đơn trả số tiền vay theo biên nhận ngày 20/5/2020 âl. Tuy nhiên, việc các bên thỏa thuận cản trừ nợ đã thực hiện xong từ ngày 20/4/2021, quá trình nguyên đơn khởi kiện và hòa giải các bên đều thống nhất phần vốn này bị đơn trả xong, chỉ còn thiếu lại tiền hụi chưa đóng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ theo biên nhận ngày 20/5/2020 là không có cơ sở. Bị đơn đồng ý số tiền hụi còn thiếu tính đến ngày 11/4/2022 là **40.000.000 đồng** và tiền hụi chết còn phải đóng 16 tháng là **160.000.000 đồng**, đây là sự thừa nhận của bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận nghĩa vụ của bị đơn phải trả.

[4] Đối với nợ vay 100.000.000 đồng còn lại của biên nhận ngày 20/5/2020 âl, nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất ngày 20/4/2021 bị đơn lần lượt 03 lần

mượn số tiền tổng cộng là 101.000.000 đồng để trả số tiền vay này. Do đó, tiền vốn vay bị đơn còn thiếu nguyên đơn đến nay là **101.000.000 đồng** thì phải có trách nhiệm trả theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[5] Về tiền lãi, hai bên thỏa thuận khoản vay 50.000.000 đồng có lãi suất 2%/tháng, khoản vay 31.000.000 đồng có lãi suất 4%/tháng, mỗi tháng bị đơn trả tiền lãi 2.200.000 đồng, đã đóng lãi được 06 tháng, đến ngày 20/10/2021 thì ngưng đóng lãi đến nay. Do lãi suất hai bên thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Tiền lãi bị đơn đã đóng 6 tháng vượt mức là 5.100.000 đồng được khấu trừ vào tiền lãi phải trả. Tiền lãi từ ngày 20/10/2021 đến ngày 29/11/2022 bằng số tiền $(81.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 13 \text{ tháng}) - 5.100.000 \text{ đồng} = \mathbf{12.450.000 \text{ đồng}}$.

[6] Ngoài ra, ông T1, bà T2 còn tham gia hội do bà H làm chủ hội gồm: 01 phần hội 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/9/2020 âl, dây A gồm 17 phần, hót hội với số tiền 61.000.000 đồng, đóng được 13 lần, còn thiếu lại 04 lần hội chết tương đương số tiền 20.000.000 đồng; 01 phần hội 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/9/2020 âl, dây B gồm 17 phần, hót hội với số tiền 71.920.000 đồng, đóng được 13 lần, còn thiếu lại 04 lần hội chết tương đương số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng tiền hội bị đơn còn thiếu nguyên đơn các dây hội mở ngày 10/9/2020 âl là **40.000.000 đồng**, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả và bị đơn đều thừa nhận thống nhất với nguyên đơn.

[7] Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn gồm nợ vay 101.000.000 đồng + tiền lãi 12.450.000 đồng + tiền hội 240.000.000 đồng = 353.000.000 đồng. Bị đơn nộp án phí 5% tương ứng nghĩa vụ phải thực hiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Bằng Văn T1, bà Lê Thị Bé T2 trả cho bà Bằng Như H số tiền 353.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải nộp 17.650.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại 8.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007450 ngày 16/8/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THA H. P;
- Lưu (HS - 2b).

Liêng Thị Hồng Hoa